

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

**CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH (KHÓA XIV)
thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW của Hội nghị lần thứ tám
Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về tiếp tục đổi mới,
nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp
xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới**

I- ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH

Qua 10 năm thực hiện Kế hoạch số 46-KH/TU, ngày 05/9/2012 của Tỉnh ủy (khóa XII) thực hiện các kết luận, nghị quyết của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020 và một số vấn đề về tiền lương, bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và định hướng cải cách đến năm 2020; nhận thức của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên và Nhân dân về vị trí, vai trò quan trọng của chính sách xã hội trong phát triển kinh tế - xã hội ngày càng đầy đủ và sâu sắc hơn. Việc thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng và chính sách giảm nghèo bền vững được chú trọng, thực hiện có hiệu quả; tỉ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm qua từng năm; thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) đạt kết quả quan trọng; công tác cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động quản lý được đẩy mạnh, đáp ứng tốt yêu cầu của tổ chức, cá nhân đến giao dịch và thực hiện các chế độ, chính sách xã hội, góp phần ổn định cuộc sống người dân và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Tuy nhiên, công tác tuyên truyền, vận động người dân tiếp cận, nắm bắt chính sách, vấn đề xã hội có lúc, có nơi chưa được thực hiện thường xuyên. Kết quả giảm nghèo chưa thật sự vững chắc; mức chuẩn trợ giúp xã hội còn thấp, mức sống của các đối tượng bảo trợ xã hội còn khó khăn. Nguồn lực đầu tư cho an sinh xã hội và phúc lợi xã hội còn hạn chế. Công tác đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm chưa đồng bộ. Chất lượng công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe chưa đáp ứng được yêu cầu của Nhân dân. Tỉ lệ người tham gia BHYT⁽¹⁾ tuy có tăng và đạt chỉ tiêu, nhưng vẫn còn thấp so với mặt bằng chung của cả nước.

⁽¹⁾ Tính đến ngày 31/12/2020, tổng số người tham gia BHYT là 1.118.531 người, đạt tỉ lệ bao phủ BHYT 90,26%, vượt 0,26% so với chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ giao năm 2020.

Nguyên nhân chủ quan của hạn chế nêu trên chủ yếu là do: Nhận thức của một số cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên và một bộ phận Nhân dân về vị trí, vai trò của chính sách xã hội chưa đầy đủ; công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền chưa quan tâm đúng mức. Sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong việc thực hiện chế độ, chính sách an sinh xã hội và chăm sóc, nuôi dưỡng các đối tượng yếu thế còn hạn chế. Cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế chưa đáp ứng yêu cầu.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

Không ngừng cải thiện, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân và bảo đảm an sinh xã hội⁽²⁾ là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng của Đảng, Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện chính sách an sinh xã hội bảo đảm kịp thời, đúng đối tượng; ưu tiên người có công, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số, gắn với phát huy vai trò giám sát của các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân.

2. Mục tiêu

2.1. Các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030

- GRDP bình quân đầu người đạt khoảng 7.800 - 8.000 USD.
- Thu nhập bình quân đầu người tăng từ 2,0 đến 2,5 lần so với năm 2020.
- Tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi lao động đến năm 2030: 2%; tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 75 - 80% (*trong đó lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ từ 35 - 40%*); giải quyết việc làm mới, giai đoạn 2026 - 2030: 120.000 lao động.

- Phần đầu đạt khoảng 60% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHXH (*trong đó nông dân và lao động khu vực phi chính thức tham gia BHXH tự nguyện chiếm khoảng 5% lực lượng lao động trong độ tuổi*); 45% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHTN; 60% số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, BHXH hằng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội; 100% hộ gia đình chăm sóc trẻ em dưới 36 tháng tuổi, phụ nữ mang thai, người cao tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo được hưởng trợ cấp xã hội theo quy định; bảo đảm mức sống tối thiểu cho người có hoàn cảnh khó khăn; trợ cấp xã hội cho hộ nghèo không có khả năng thoát nghèo.

- Trường học đạt chuẩn quốc gia đạt 60%. Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi, tỷ lệ đi học đúng độ tuổi cấp tiểu học đạt 99,5%,

⁽²⁾ Theo Nghị quyết số 12-NQ/TU, ngày 11/11/2022 của Tỉnh ủy (khóa XIV) về một số chủ trương, giải pháp nâng cao đời sống Nhân dân tỉnh Bình Thuận đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

cấp trung học cơ sở tối thiểu đạt 95%, cấp trung học phổ thông và tương đương tối thiểu đạt 75%.

- Tuổi thọ trung bình của người dân khoảng 76 tuổi, số năm sống khỏe đạt tối thiểu 68 năm. Phần đầu đạt 10 bác sĩ và trên 32 giường bệnh/10.000 dân; trên 95% dân số tham gia BHYT; trên 95% người dân sử dụng dịch vụ chăm sóc ban đầu tại y tế cơ sở được BHYT chi trả; trên 95% dân số được quản lý sức khỏe; tỉ lệ tiêm chủng mở rộng đạt 95%; tỉ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi dưới 15%; cơ bản chấm dứt các dịch bệnh AIDS, lao và loại trừ sốt rét. Chỉ số hài lòng của người dân với dịch vụ y tế đạt từ 95% trở lên.

- Diện tích sàn nhà ở bình quân toàn tỉnh: 32 m²/người. Xây dựng 9.800 căn hộ nhà ở xã hội cho các đối tượng được thụ hưởng chính sách hỗ trợ và nhà ở xã hội; xóa nhà tạm, nhà dột nát của hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu.

- Phần đầu 100% hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh, 85% hộ dân sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế; 100% hộ gia đình, trường học, trạm y tế có công trình phụ hợp vệ sinh bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn; 25% điểm dân cư nông thôn tập trung có hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt, 15% nước thải sinh hoạt được xử lý. Tỉ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom, xử lý theo quy định đạt 95%.

- Có ít nhất 75% người dân vùng cao, hải đảo, 80% các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được thụ hưởng và tham gia các hoạt động văn hóa, nghe, xem các kênh phát thanh, truyền hình của quốc gia và địa phương.

- Tỉ lệ người dân tham gia luyện tập thể dục, thể thao thường xuyên đạt trên 45%.

2.2. Tầm nhìn đến năm 2045

Nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện hệ thống chính sách xã hội phát triển toàn diện, bền vững, tiến bộ và công bằng, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội cho Nhân dân, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển quê hương và con người Bình Thuận toàn diện.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí của chính sách xã hội

- Nâng cao nhận thức của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên và Nhân dân về vị trí, vai trò quan trọng của chính sách xã hội trong giai đoạn mới; tiếp tục thực hiện tốt chính sách xã hội, an sinh xã hội, chăm lo cho gia đình chính sách, trợ giúp, nuôi dưỡng các đối tượng yếu thế. Triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước có liên quan đến thực hiện chính sách xã hội trên

địa bàn tỉnh⁽³⁾.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và chính sách xã hội; kịp thời khen thưởng, biểu dương các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt chính sách xã hội; phổ biến, nhân rộng các mô hình tốt, điển hình tiên tiến, cách làm hay, hiệu quả.

2. Nâng cao năng lực, hiệu lực quản lý nhà nước về chính sách xã hội

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, giao dịch điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin trong từng lĩnh vực nghiệp vụ; chuyển đổi số, số hóa quy trình quản lý và tổ chức thực hiện chính sách bảo đảm liên thông, an toàn, bảo mật dữ liệu của các sở, ngành, tổ chức, cá nhân; công tác quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ xã hội thông qua cơ chế quản lý, cập nhật, chia sẻ dữ liệu và thông tin nền tảng số.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nhất là người đứng đầu, nâng cao chất lượng phục vụ, thực thi đạo đức công vụ, tạo môi trường làm việc thân thiện, thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về các chính sách xã hội; công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm đối với các tập thể, cơ quan, đơn vị vi phạm chính sách theo quy định của pháp luật.

- Tập trung ưu tiên thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, học nghề, tạo việc làm, xây dựng nông thôn mới, khuyến khích người nghèo tự vươn lên thoát nghèo. Bảo đảm bố trí nguồn vốn cho các chương trình và các mục tiêu an sinh xã hội; đẩy mạnh xã hội hóa, huy động nguồn lực cho việc thực hiện chính sách an sinh xã hội. Thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch trợ giúp người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn dựa vào cộng đồng và trẻ em mồ côi.

3. Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng

- Tổ chức triển khai, thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người có công với cách mạng; huy động mọi nguồn lực xã hội đóng góp, quan tâm chăm lo đời sống, vật chất, tinh thần người có công, nhất là người vùng đồng bào dân tộc thiểu số,

⁽³⁾ trọng tâm là Nghị quyết số 42-NQ/TW, Kết luận số 92-KL/TW, ngày 05/11/2020 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa XI) một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020. Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 23/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về cải cách chính sách BHXH; Nghị quyết số 125/NQ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW; Chương trình hành động số 107-CTr/BCSD, ngày 16/8/2018 của Ban Cán sự đảng Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện Nghị quyết số 28- NQ/TW về cải cách chính sách BHXH; Chương trình hành động số 52-CTr/TU, ngày 28/8/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XIII) thực hiện các Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 7 (khóa XII) thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW về cải cách chính sách BHXH; Nghị quyết số 20-NQ-TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trong tình hình mới; Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/8/2018 của Chính phủ về việc giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia BHXH; Nghị quyết số 12-NQ/TU, ngày 11/11/2022 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XIV) về một số chủ trương, giải pháp nâng cao đời sống Nhân dân tỉnh Bình Thuận đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

miền núi, vùng cao. Bảo đảm người có công và gia đình người có công phải có mức sống từ trung bình khá trở lên so với mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú.

- Đầu tư, nâng cấp, sửa chữa các nghĩa trang liệt sĩ, công trình ghi công liệt sĩ; thực hiện xây dựng, sửa chữa nhà ở người có công. Tập trung giải quyết tồn đọng trong chính sách người có công, nhất là tìm kiếm, xác định danh tính hài cốt liệt sĩ. Phát huy truyền thống đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, khuyến khích tổ chức, cá nhân và toàn xã hội tích cực tham gia phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”.

4. Phát triển thị trường lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo việc làm bền vững cho người lao động

- Nâng cao chất lượng dân số, đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Thực hiện có hiệu quả các chính sách của Trung ương, đồng thời nghiên cứu ban hành các chính sách thuộc thẩm quyền của tỉnh để hỗ trợ phát triển đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động. Chú trọng đào tạo, đào tạo lại ngành nghề phù hợp cho lực lượng lao động; tăng cường đào tạo nghề và khuyến khích xã hội hóa đầu tư phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập; gắn đào tạo nghề với giải quyết việc làm cho lao động; nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tư vấn, giới thiệu việc làm, năng lực kết nối cung - cầu lao động; tiếp tục thực hiện tốt chính sách đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp xây dựng các chương trình đào tạo nhằm nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho lao động đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp, góp phần phục hồi và phát triển kinh tế. Lựa chọn các ngành, nghề trọng điểm và trường được lựa chọn ngành nghề trọng điểm để đề xuất đầu tư, nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.

- Đầu tư sàn giao dịch việc làm; xây dựng mạng lưới thông tin và cơ sở dữ liệu thị trường lao động, phân tích dự báo thị trường lao động theo ngành, nghề; thực hiện các biện pháp ổn định, phát triển thị trường lao động; hoàn thiện hệ thống thông tin thị trường lao động phù hợp, từng bước hiện đại. Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số để tăng cường kết nối cung - cầu lao động qua nền tảng số, bảo đảm cung ứng lao động phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp, kịp thời cung cấp các thông tin về thị trường lao động để hỗ trợ, tư vấn giới thiệu việc làm cho người lao động theo yêu cầu; thường xuyên nắm bắt tình hình tại các doanh nghiệp gặp khó khăn phải cắt giảm, cho thôi việc nhiều người lao động để tư vấn, giới thiệu việc làm, học nghề cho người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động; hướng dẫn người lao động tiến hành làm các thủ tục, hồ sơ đề nghị hưởng BHTN theo quy định. Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp gặp khó khăn cắt giảm hoặc cho thôi việc nhiều người lao động để đào

tao, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động từ nguồn Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

- Tạo việc làm cho người lao động phải gắn với mục tiêu phát triển bền vững nhằm giải phóng sức sản xuất, nâng cao tay nghề, thu nhập và bảo đảm an toàn tại nơi làm việc cho người lao động. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với cơ cấu kinh tế. Mở rộng tín dụng chính sách xã hội nhằm hỗ trợ vốn vay tạo việc làm, sinh kế cho người dân, nhất là người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn. Thúc đẩy thực hiện chính sách việc làm công, nhất là trong điều kiện nền kinh tế gặp khó khăn, người lao động mất việc làm, thiếu việc làm.

- Xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ; tăng cường đối thoại, thương lượng, ký kết lao động tập thể trong doanh nghiệp, giải quyết tranh chấp lao động đúng pháp luật. Thực hiện nghiêm chỉnh sách, pháp luật về an toàn vệ sinh lao động, đặc biệt trong các lĩnh vực có nguy cơ cao, trong các nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm. Hoàn thiện tiêu chuẩn kỹ năng nghề nghiệp áp dụng cho các ngành nghề trong xã hội.

5. Thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội

- Tập trung đẩy mạnh công tác phát triển người tham gia BHXH, BHYT, đẩy nhanh tiến độ BHYT toàn dân. Tổ chức triển khai thực hiện tốt Luật BHXH, Luật BHYT, Luật Việc làm, luật An toàn, vệ sinh lao động, đảm bảo quyền lợi cho người tham gia BHXH, BHYT, BHTN; đề xuất, kiến nghị về những bất cập, hạn chế trong quá trình thực hiện chính sách để kịp thời khắc phục và điều chỉnh. Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền về lợi ích BHXH, BHYT, BHTN. Thực hiện công tác chi trả các chế độ BHXH, BHYT, BHTN đảm bảo đầy đủ, kịp thời, đúng chế độ cho người thụ hưởng. Quản lý chặt chẽ các quỹ BHXH, BHYT, BHTN bảo đảm cân đối thu, chi hiệu quả và an toàn. Tiếp tục mở rộng, nâng cao chất lượng BHYT toàn dân nhằm góp phần chăm sóc sức khỏe Nhân dân, giảm chi phí người dân chi trả trực tiếp cho dịch vụ y tế.

- Áp dụng thực hiện trợ giúp xã hội theo hướng quan tâm cả đời sống vật chất và tinh thần, giúp người dân kịp thời khắc phục khó khăn do tác động của thiên tai, dịch bệnh và các rủi ro khác. Ưu tiên hỗ trợ cho người không có khả năng lao động, người khuyết tật, người cao tuổi và gia đình có trẻ em, người thu nhập thấp. Phát triển mạng lưới dịch vụ trợ giúp xã hội đối với trẻ em, người khuyết tật và người cao tuổi có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; xây dựng đội ngũ làm công tác xã hội chuyên nghiệp; đẩy mạnh công tác phòng ngừa, phát hiện, can thiệp sớm, hỗ trợ kịp thời người gặp khó khăn trong cuộc sống, góp phần xây dựng cộng đồng phát triển bền vững.

- Triển khai đầy đủ các điều kiện, cơ sở để thực hiện tốt việc chi trả an sinh xã

hội không dùng tiền mặt. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động nhân đạo, từ thiện, không vì lợi nhuận, góp phần cùng với địa phương thực hiện tốt công tác chăm sóc các đối tượng bảo trợ xã hội dựa vào cộng đồng theo tinh thần xã hội hóa. Tạo điều kiện thuận lợi để các đối tượng bảo trợ xã hội tự vươn lên, trước hết là những người có khả năng lao động tiếp cận các hoạt động kinh tế, dịch vụ công thiết yếu. Thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch trợ giúp người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chính sách giảm nghèo; tạo điều kiện thuận lợi để hộ nghèo vươn lên thoát nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo; nhân rộng những mô hình, cách làm hay, chú trọng biểu dương, khen thưởng những hộ nghèo thực hiện tốt các mô hình giảm nghèo, có ý chí vươn lên thoát nghèo.

6. Nâng cao phúc lợi xã hội toàn dân, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản có chất lượng

- *Về giáo dục:* Tiếp tục đầu tư mở rộng mạng lưới giáo dục có chất lượng, tạo điều kiện để người dân có thể tiếp cận nền giáo dục rộng mở; phát huy vai trò hệ thống giáo dục thường xuyên. Đẩy mạnh đổi mới, nâng cao chất lượng, nội dung, cải tiến phương pháp dạy và học, kiểm tra, đánh giá. Thường xuyên rà soát, xây dựng giá học phí hợp lý để thực hiện hỗ trợ toàn bộ hoặc hỗ trợ một phần chi phí cho học sinh. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ chế, chính sách tín dụng học sinh, sinh viên. Thúc đẩy xã hội hóa giáo dục, huy động nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, hỗ trợ nâng cao chất lượng giáo dục miền núi, vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng bãi ngang ven biển, hải đảo. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, hiện đại hoá, nâng cao hiệu quả hệ thống quản lý giáo dục và hoạt động của giáo viên.

- *Về y tế:* Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án phát triển ngành y tế tỉnh Bình Thuận đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, hướng đến thực hiện mục tiêu nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động y tế với quan điểm y tế cơ sở, y tế dự phòng, y tế chuyên sâu là nền tảng để phát triển vững chắc hệ thống y tế, xây dựng mạng lưới y tế vùng, rộng khắp, gần dân; đảm bảo cho người dân được tiếp cận và hưởng các dịch vụ y tế có chất lượng, được chăm sóc, nâng cao sức khỏe; lấy sự hài lòng của người bệnh làm trung tâm, nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và phục hồi chức năng, giảm tỷ lệ chuyển tuyến. Xây dựng giá dịch vụ y tế phù hợp với mức sống của người dân trong tỉnh. Thực hiện hỗ trợ mua BHYT cho người nghèo, cận nghèo và các đối tượng chính sách. Tiếp tục mở rộng bao phủ hệ thống BHYT, đảm bảo quyền tiếp cận y tế và chăm sóc sức khỏe của toàn dân, không để ai không được chăm sóc y tế do khó khăn tài chính.

- *Về phát triển văn hóa:* Tăng cường các nguồn lực đầu tư và nâng cấp mạng lưới thiết chế văn hóa, thể dục - thể thao gắn với khai thác, sử dụng có hiệu quả, đáp ứng tốt nhu cầu của người dân; đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao. Bảo tồn và phát huy các lễ hội văn hóa truyền thống các dân tộc trong tỉnh; duy trì và nâng cao giá trị văn hóa truyền thống của người Bình Thuận. Xây dựng môi trường văn hóa ứng xử lành mạnh, tiên bộ, văn minh từ gia đình đến xã hội. Khuyến khích người dân luyện tập thể dục - thể thao, nâng cao sức khỏe, thể lực, thể trạng, tăng tuổi thọ và chất lượng dân số.

- *Về thông tin:* Thực hiện chính sách, pháp luật về quyền tiếp cận thông tin của công dân theo hướng bình đẳng, tạo điều kiện thuận lợi trong tiếp cận và bảo vệ người dân, đặc biệt là trẻ em, nhóm yếu thế được an toàn trên môi trường mạng. Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng phát triển mạng lưới bưu chính, viễn thông trên địa bàn tỉnh; tiếp tục cải thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ bưu chính, viễn thông, đáp ứng tốt yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh; hỗ trợ người dân tiếp cận thông tin, công nghệ số.

- *Về nhà ở:* Thực hiện tốt Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2021 - 2025; nhất là giải quyết nhà ở cho các đối tượng chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo gặp khó khăn về nhà ở. Đẩy nhanh công tác tạo quỹ đất tái định cư để thực hiện các dự án và giúp người dân có đất bị thu hồi nhanh chóng ổn định chỗ ở.

- *Về nước sạch, vệ sinh môi trường:* Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ chất lượng nguồn nước; bảo đảm cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt cho người dân, nhất là người dân nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng cao, bãi ngang, ven biển, hải đảo, vùng thường xuyên bị thiên tai, hạn hán, xâm nhập mặn, ô nhiễm nguồn nước, trong mùa khô. Mở rộng mạng lưới cấp, thoát nước và có chính sách khuyến khích các nhà đầu tư tham gia kinh doanh cấp nước sạch. Có chính sách cung cấp nước sạch cho các cơ sở giáo dục, y tế và các cơ sở thiết yếu khác. Hoàn thiện chính sách về nước sạch đồng bộ, thống nhất, liên ngành, liên vùng và bảo đảm an ninh nguồn nước. Đẩy mạnh xử lý ô nhiễm môi trường, có giải pháp giải quyết triệt để ô nhiễm do nước thải, rác thải, khí thải. Kiểm soát chặt chẽ chất lượng môi trường không khí, tiếng ồn, nguồn nước tại các đô thị, các khu dân cư, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; thực hiện tốt việc thu gom và xử lý rác thải, nước thải; vận động người dân tự giác dọn vệ sinh nơi ở và bỏ rác đúng nơi quy định, không xả rác ra khu vực công cộng, biển, sông, hồ, kênh thủy lợi,...

7. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ xã hội

Phát triển hệ thống dịch vụ xã hội đa dạng, liên thông, liên tục, chuyên nghiệp, đáp ứng cơ bản nhu cầu và tăng khả năng tiếp cận cho các nhóm đối tượng, nhất là công nhân, người có hoàn cảnh khó khăn, người di cư, đồng bào dân

tộc thiểu số. Xây dựng đội ngũ nhân viên làm công tác xã hội hiểu biết pháp luật, có phẩm chất đạo đức, tận tâm, hoạt động chuyên nghiệp. Nâng cao chất lượng các dịch vụ việc làm, BHXH, y tế, giáo dục, trợ giúp xã hội và hệ thống cơ sở dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng người có công với cách mạng, trẻ em mồ côi, người cao tuổi, người khuyết tật không nơi nương tựa. Phát triển mạng lưới dịch vụ chăm sóc xã hội tại cộng đồng, mô hình chăm sóc và trợ giúp xã hội ngoài công lập; phát huy vai trò của gia đình trong chăm sóc, bảo vệ người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em. Hoàn thiện cơ chế, chính sách hợp tác công - tư, khuyến khích tư nhân tham gia đầu tư, hiện đại hóa, phát triển mạng lưới cung cấp dịch vụ xã hội; đẩy mạnh việc chi trả không dùng tiền mặt cho các đối tượng chính sách trên cơ sở kết nối, khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

8. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng trong thực hiện chính sách xã hội

Tăng cường nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, hệ thống chính trị các cấp, nhất là người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong thực hiện chính sách xã hội.

Hội đồng nhân dân các cấp tăng cường giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về chính sách xã hội; phối hợp rà soát sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ thường xuyên lắng nghe, phản ánh, phối hợp giải quyết tâm tư, nguyện vọng hợp pháp, chính đáng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; nâng cao chất lượng hoạt động giám sát và phản biện xã hội; tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận của hội viên, đoàn viên và Nhân dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phối hợp vận động nguồn lực, khuyến khích tổ chức, cá nhân phát triển các loại hình cung cấp dịch vụ xã hội và tích cực tham gia thực hiện chính sách xã hội.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đảng đoàn, ban cán sự đảng, các ban của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn Thanh niên, các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc tổ chức học tập và quán triệt tuyên truyền; căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ, xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 42-NQ/TW và Chương trình hành động này bảo đảm thực chất, khả thi.

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh xây dựng kế hoạch tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, Nhân dân tích cực thực hiện và tham gia giám sát, phản biện xã hội việc thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW và Chương trình hành động này.

3. Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW và Chương trình hành động này; định kỳ tham mưu sơ kết, tổng kết việc thực hiện; báo cáo kết quả cho Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy để biết, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Ban Kinh tế Trung ương Đảng,
- Văn phòng Trung ương Đảng + Vụ II,
- Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng + T79,
- Ban Cán sự đảng Bộ Lao động TB & XH,
- Các đảng đoàn, ban cán sự đảng,
- Các ban của Tỉnh ủy,
- Ban Thường vụ Tỉnh đoàn Thanh niên,
- Các sở, ban, ngành của tỉnh,
- Các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

(để báo cáo)

**T/M TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ**

Nguyễn Hoài Anh